

Số: 44/NQ-HĐND18

Bắc Ninh, ngày 12 tháng 4 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

V/v Phê duyệt đề án xây dựng triển khai mô hình thành phố thông minh tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2017-2022, tầm nhìn đến 2030

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2016/QH14 ngày 08/11/2016 của Quốc hội về kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông báo số 132/TB-VPCP ngày 13/3/2017 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Kết luận số 71-KL/TU ngày 03/3/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đề án xây dựng triển khai mô hình thành phố thông minh tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2017-2022, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 90/TTr-UBND ngày 31/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị V/v Phê duyệt đề án xây dựng triển khai mô hình thành phố thông minh tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2017-2022, tầm nhìn đến 2030; báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt đề án xây dựng triển khai mô hình thành phố thông minh tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2017-2022, tầm nhìn đến 2030 với một số nội dung chủ yếu sau:

1. Đưa giải pháp xây dựng thành phố thông minh là giải pháp đột phá trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội tỉnh Bắc Ninh trong giai đoạn từ nay đến năm 2030;

2. Xây dựng mô hình thành phố thông minh tỉnh Bắc Ninh:

a) Với 6 lĩnh vực cốt lõi:

- Nền kinh tế thông minh;

- Cư dân thông minh;

- Quản trị thông minh;
- Dịch chuyên thông minh;
- Môi trường thông minh;
- Cuộc sống thông minh.

b) Với 27 phạm vi, lĩnh vực chính với 90 chỉ tiêu cụ thể (theo Phụ lục 1 đính kèm).

3. Mục tiêu xây dựng mô hình thành phố thông minh tỉnh Bắc Ninh của các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2022, tầm nhìn đến 2030 (theo Phụ lục 2 đính kèm).

4. Lộ trình triển khai các dự án trọng điểm xây dựng mô hình thành phố thông minh tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2017-2022 tầm nhìn đến 2030 với trọng tâm trong năm 2017 là các lĩnh vực An ninh, Y tế, Giáo dục, Tài nguyên - Môi trường, Quy hoạch, Xây dựng, Công nghiệp, Thông tin truyền thông (theo Phụ lục 3 đính kèm).

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết. Hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVIII, kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 12/4/2017 và có hiệu lực từ ngày 01/5/2017. /

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; CP (b/c);
- Bộ TP (b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- VKSND, TAND tỉnh;
- Các Ban HĐND, các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: TU, UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo, Đài PTTH, Cổng TTĐT tỉnh, Báo BN, TTXVN tại BN;
- VP: LDVP, phòng Tổng hợp, lưu VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Thu



Phụ lục 1

**CÁC TIÊU CHÍ XÂY DỰNG MÔ HÌNH THÀNH PHỐ THÔNG MINH
TỈNH BẮC NINH GIAI ĐOẠN 2017-2022, TẦM NHÌN ĐẾN 2030**

*(Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND18 ngày 12/4/2017
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Phạm vi, lĩnh vực	Chỉ tiêu
I	Kinh tế thông minh	
1	Tinh thần sáng tạo	Tỷ lệ % GDP chi cho nghiên cứu và phát triển
		Tỷ lệ lao động làm việc trong các lĩnh vực có đòi hỏi kỹ thuật cao/ngìn dân
		Số bằng sáng chế/triệu dân
2	Tinh thần khởi nghiệp	Tỷ lệ tự tạo việc làm
		Tỷ lệ doanh nghiệp nội địa/trên tổng số doanh nghiệp
		Doanh nghiệp mới đăng ký
3	Bức tranh kinh tế	Có các trung tâm ra quyết định (ví dụ hội sở của công ty, tập đoàn,...)
		Các công ty có trụ sở tại thành phố được niêm yết trên sàn chứng khoán quốc gia
4	Sản xuất	GDP trên đầu người có việc làm
		Tỷ lệ sản xuất đơn lẻ
		Tỷ lệ sản xuất kết nối
5	Thị trường lao động	Tỷ lệ thất nghiệp
		Tỷ lệ người có việc làm bán thời gian
6	Gắn kết quốc tế	Hành khách di chuyển bằng hàng không
		Vận tải hàng hóa bằng hàng không
II	Cư dân thông minh	
1	Giáo dục	Tỷ lệ dân số đạt chuẩn ISCED mức 5-6 (được đào tạo trình độ cao đẳng trở lên)
		Có các trung tâm tri thức (trung tâm nghiên cứu, trường đại học top đầu,...)
		Kỹ năng ngoại ngữ
2	Học tập suốt đời	Sách mượn trên mỗi người dân
		Tỷ lệ tham gia học tập suốt đời

STT	Phạm vi, lĩnh vực	Chỉ tiêu
3	Đa sắc tộc	Sự đóng góp của người nước ngoài
		Sự đóng góp của các công dân thành phố ở nước ngoài
4	Sự công bằng	Nhận thức được việc làm mới
		Chia sẻ của những người làm việc trong ngành công nghiệp sáng tạo
		Tỷ lệ cử tri đi bầu cử
		Tham gia vào các công việc tình nguyện
III	Quản trị thông minh	
1	Nhận thức chính trị	Số đại biểu Hội đồng nhân dân/ngành dân
		Hoạt động chính trị của người dân
		Sự đóng góp của phụ nữ cho các hoạt động của thành phố
2	Dịch vụ công và dịch vụ xã hội	Chỉ tiêu của các cơ quan quản lý/người dân trong các dịch vụ xã hội
		Tỷ lệ trẻ em được đến trường
		Sự hài lòng với chất lượng của các trường học
3	Quản lý hiệu quả và minh bạch	Sự hài lòng với sự minh bạch của bộ máy nhà nước
		Sự hài lòng với cuộc chiến chống tham nhũng
		Tính minh bạch trong việc cung cấp thông tin của thành phố
		Sự linh hoạt trong điều hành của hệ thống lãnh đạo
IV	Dịch chuyển thông minh	
1	Hệ thống giao thông vận tải của tỉnh	Mạng lưới giao thông công cộng/đầu người
		Sự hài lòng với quyền truy cập các dịch vụ vận chuyển công cộng
2	Khả năng tiếp cận quốc gia	Sự hài lòng với chất lượng vận chuyển công cộng quốc tế
3	Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông	Máy tính trong các hộ gia đình
		Khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu
		Hệ thống giám sát thời gian thực
		Truy cập internet băng thông rộng tại các gia đình

12

STT	Phạm vi, lĩnh vực	Chỉ tiêu
4	Tính bền vững của hệ thống giao thông	Tham gia của các di động xanh (giao thông cá nhân không có động cơ)
		Lượng khí thải CO ₂ của giao thông công cộng
		An toàn giao thông
		Mức phí giao thông công cộng/tháng
		Tỷ lệ sử dụng phương tiện cá nhân/dân số
		Sử dụng ô tô tiết kiệm
V	Môi trường thông minh	
1	Chất lượng không khí (không gây ô nhiễm)	Giờ chiếu sáng của mặt trời
		Khoảng không xanh
		Khói bụi (ozon)
		Bệnh hô hấp mãn tính gây tử vong/đầu người
2	Nhận thức sinh thái	Những nỗ lực cá nhân về bảo vệ thiên nhiên
		Ý kiến về bảo vệ thiên nhiên
		Nhận thức về biến đổi khí hậu
		Cách tiếp cận toàn diện đến các vấn đề môi trường
3	Quản lý tài nguyên bền vững	Sử dụng hiệu quả nguồn nước (sử dụng/GDP)
		Sử dụng hiệu quả nguồn điện (sử dụng/GDP)
VI	Cuộc sống thông minh	
1	Các cơ sở văn hóa và giải trí	Số người đến rạp chiếu phim/dân số
		Khách tham quan bảo tàng/ngày dân
		Số người đến rạp hát/ngày dân
		Số người đến luyện tập tại các trung tâm thể thao/ngày dân
		Số người đến thư viện/ngày dân
		Số điểm văn hóa tập trung/ngày dân
2	Tình trạng sức khỏe	Tuổi thọ người dân
		Số giường bệnh viện/ngày dân
		Số bác sỹ/ngày dân
		Sự hài lòng của các nhân viên y tế
		Sự hài lòng của người dân với chất lượng hệ thống chăm sóc sức khỏe

STT	Phạm vi, lĩnh vực	Chỉ tiêu
3	An toàn cá nhân	Tỷ lệ tội phạm
		Tỷ lệ tử vong do hành hung
		Sự hài lòng với sự an toàn cá nhân
4	Chất lượng nhà	Nhà ở hoàn thành tiêu chuẩn tối thiểu
		Diện tích ở bình quân dân cư
		Sự hài lòng với nhà ở cá nhân
		Tỷ lệ đô thị hóa
5	Các cơ sở giáo dục	Số sinh viên/dân số
		Sự hài lòng với việc sử dụng các dịch vụ đào tạo
		Số lượng cơ sở giáo dục các cấp/dân số
		Tỷ lệ cơ sở giáo dục đạt chuẩn
6	Hấp dẫn du lịch	Số lượng các điểm du lịch được xếp hạng
		Số ngày nghỉ qua đêm/năm/khách du lịch
		Tỷ lệ du khách/dân số
		Số lượng các điểm du lịch được bảo tồn
		Tỷ lệ du khách đến các điểm du lịch qua thông tin quảng bá
7	Gắn kết xã hội	Nhận thức cá nhân về nguy cơ đói nghèo
		Tỷ lệ đói nghèo
		Tỷ lệ dân số tuân theo các quy tắc xã hội
		Tỷ lệ chia sẻ xã hội (số người chia sẻ/dân số)

72



Phụ lục 2

MỤC TIÊU CỦA CÁC LĨNH VỰC TRONG VIỆC XÂY DỰNG MÔ HÌNH THÀNH PHỐ THÔNG MINH TỈNH BẮC NINH GIAI ĐOẠN 2017-2022, TẦM NHÌN ĐẾN 2030

(Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND18 ngày 12/4/2017
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

1. Công nghệ thông tin:

- Xây dựng nền tảng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT) cho thành phố thông minh;
- Xây dựng hệ thống Trung tâm điều hành để hỗ trợ cho quản lý điều hành;
- Kiểm tra giám sát chất lượng ứng dụng CNTT trên toàn tỉnh, đảm bảo xây dựng một nền tảng tích hợp cho các ứng dụng chính quyền điện tử và các ứng dụng thành phố thông minh;
- Tăng cường an ninh - an toàn bảo mật cho toàn bộ hệ thống;
- Đào tạo nâng cao năng lực CNTT cho cán bộ và người dân trên toàn tỉnh.

2. Y tế:

- Đưa tỉnh Bắc Ninh thành một trong những tỉnh có ngành y tế hàng đầu Việt Nam;
- Đồng bộ hạ tầng công nghệ thông tin với quy hoạch thống nhất trong toàn ngành y tế Bắc Ninh;
- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về sức khỏe người dân quản lý hồ sơ sức khỏe và liên thông dữ liệu toàn tỉnh;
- Nâng cao công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu;
- Nâng cao công tác khám chữa bệnh, triển khai kỹ thuật chuyên sâu ngang tầm quốc tế.

3. Giáo dục và đào tạo:

- Ứng dụng CNTT đẩy mạnh phát triển năng lực người học toàn diện góp phần nâng cao chỉ số phát triển con người của tỉnh, đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao, đảm bảo cơ cấu hợp lý ngành nghề và trình độ trong các lĩnh vực để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;
- Nâng cao trình độ CNTT cho đội ngũ cán bộ giáo dục phục vụ công tác quản lý điều hành và công tác chuyên môn;
- Ứng dụng CNTT trong quản lý, chỉ đạo điều hành 100% hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành công tác giáo dục;
- 100% các trường Trung học phổ thông, Trung học cơ sở và Tiểu học xây dựng các phòng máy tính, có kết nối internet băng rộng;

- Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ quản lý giáo dục cho từng trường học, kết nối với cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo cấp tỉnh, cấp huyện;
- Tổ chức việc thu thập, trao đổi thông tin quản lý giáo dục qua mạng. Đưa các thông tin về giáo dục và đào tạo lên website của ngành giáo dục và đào tạo, website của các trường và hình thành mạng giáo dục đào tạo từ xa xúng tằm các nước trong khu vực và quốc tế.

4. An ninh, an toàn:

- Ứng dụng CNTT xây dựng trung tâm giám sát an ninh để hỗ trợ công tác nắm bắt trước thông tin về những sự kiện xấu có thể diễn ra, sẵn sàng ứng phó và trấn áp mọi loại hình tội phạm trên địa bàn tỉnh, kiểm soát và duy trì các điều kiện để cuộc sống của người dân trên địa bàn tỉnh;
- Xây dựng hệ thống camera đảm bảo giám sát an ninh, giao thông và các địa điểm văn hóa xã hội trọng yếu;
- Giám sát tình hình trật tự, đảm bảo an ninh cho các cơ quan đảng, chính quyền cấp tỉnh và cấp huyện, góp phần thực hiện tốt chức năng lãnh đạo, quản lý, điều hành của các cơ quan này.
- Tăng cường công tác giám sát an ninh cho các đơn vị, các công trình trọng yếu (nhà máy sản xuất quan trọng, nhà máy cấp nước, công trình thiết yếu, khu du lịch đông người...) góp phần đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

5. Tài nguyên môi trường:

- Xây dựng trung tâm điều hành và quản lý tập trung: Đảm bảo vận hành hiệu quả và quản lý tập trung toàn bộ cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường; hỗ trợ hiệu quả công tác giám sát, thanh kiểm tra, công tác báo cáo (với Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường), chia sẻ thông tin môi trường, ứng phó sự cố cũng như kết nối với với doanh nghiệp, người dân trong việc công khai thông tin về chất lượng môi trường và tài nguyên của tỉnh;
- Ứng dụng CNTT nâng cao năng lực hoạt động xử lý môi trường, thu gom vận chuyển chất thải trên địa bàn tỉnh;
- Ứng dụng CNTT nâng cao hiệu quả mạng lưới quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh. Hệ thống tự động, tiên tiến, đạt tiêu chuẩn quốc tế; kết nối trực tuyến về trung tâm điều hành, cung cấp khả năng giám sát, cảnh báo sớm và hỗ trợ việc ban hành quyết định cho nhà quản lý;
- Ứng dụng CNTT trong quản lý nước, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc bản đồ và viễn thám.

72

6. Khoa học công nghệ:

- Xây dựng vườn ươm để ươm tạo các doanh nghiệp khởi nghiệp: 100% doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực khoa học - công nghệ được tư vấn, ươm tạo;

- Ứng dụng CNTT để xây dựng phát triển thị trường công nghệ, quảng bá các sản phẩm khoa học công nghệ;

- Đến năm 2020 số doanh nghiệp khoa học và công nghệ sẽ được thành lập là 100 đơn vị.

Hình thành và phát triển khoảng 20 doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ công nghệ cao thuộc danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển và khoảng 10 doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

7. Đào tạo nguồn nhân lực:

Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng hướng tới xây dựng đội ngũ nhân lực tỉnh Bắc Ninh có quy mô, cơ cấu, chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện hội nhập; tạo ra lực lượng lao động có trình độ, kỹ năng, kỹ thuật ngày càng cao đáp ứng nhu cầu lao động qua đào tạo cho các chương trình kinh tế xã hội trọng tâm của tỉnh và cho doanh nghiệp trên địa bàn. Đào tạo cán bộ công chức, cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý có phẩm chất và năng lực, có phong cách làm việc hiện đại, chuyên nghiệp, có khả năng hội nhập kinh tế quốc tế để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh và xây dựng hệ thống chính trị của tỉnh.

- Xây dựng trung tâm kiểm tra đánh giá nguồn nhân lực đạt tiêu chuẩn quốc tế;

- Đào tạo 100% công chức, viên chức của địa phương đáp ứng được yêu cầu công việc theo từng ngành nghề cụ thể.

- 100% cán bộ chuyên môn CNTT sử dụng thành thạo các kỹ năng cần thiết ứng dụng của thành phố thông minh, vận hành tốt hệ thống và đào tạo các đối tượng khác sử dụng.

8. Văn hóa, thể thao và du lịch:

- Xây dựng trung tâm quản lý điều hành thông minh về các hoạt động văn hóa thể thao và du lịch kiểm soát, điều hành, lưu trữ và luôn cập nhật những thông tin liên quan đến các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch của tỉnh; *re*

- Xây dựng và hoàn thiện toàn bộ hệ thống cơ sở hạ tầng du lịch, thể thao và văn hóa đạt chuẩn Việt Nam và quốc tế;

- Phát triển quan hệ hợp tác nội địa với các đối tác trên toàn quốc, hợp tác quốc tế với 5 nước trong khu vực và 10 nước phát triển;

- Bảo tồn phát huy các giá trị văn hóa tâm linh, làng nghề và văn hóa phi vật thể của tỉnh;

- Đưa phong trào thể thao rèn luyện sức khỏe đến với tất cả người dân trong toàn tỉnh.

9. Giao thông:

- Xây dựng trung tâm điều hành hệ thống quản lý điều hành giao thông thông minh của tỉnh hiện đại ở mức độ tự động hóa cao để nâng cao năng lực, chất lượng kiểm soát, tổ chức giao thông và quy hoạch giao thông;

- Xây dựng mạng lưới camera và thiết bị đo mật độ giao thông để giám sát giao thông tại các nút, đường giao thông quan trọng của tỉnh hỗ trợ công tác điều khiển giao thông, xử lý vi phạm luật giao thông, xử lý tai nạn giao thông;

- Nâng cao hiệu quả của dịch vụ vận chuyển hành khách công cộng: Xây dựng hệ thống quản lý phương tiện giao thông công cộng kết nối vào trung tâm điều hành giúp giám sát các hoạt động vận chuyển hành khách công cộng đảm bảo đúng lộ trình, đúng thời gian... Mặt khác, cung cấp những thông tin giao thông giúp phân tuyến, thay đổi tuyến hợp lý hơn;

- Chia sẻ thông tin giao thông tiện ích cho các nhóm đối tượng khác nhau như người tham gia giao thông, cảnh sát giao thông, thanh tra giao thông, dịch vụ cấp cứu, cứu hộ, phòng cháy chữa cháy, các cơ quan nghiên cứu hoạch định chính sách, các đơn vị vận tải, các tổ chức sản xuất kinh doanh để có phương án phù hợp nhất với thực trạng giao thông hiện hữu.

10. Nông nghiệp và phát triển nông thôn:

- Xây dựng một nền nông nghiệp tiên tiến có năng suất cao, chất lượng tốt, mang lại hiệu quả cao cho xã hội và mang lại lợi ích cho nông dân, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp dựa trên nền tảng ứng dụng các công nghệ mới.

- 100% sản phẩm sản xuất ra đạt tiêu chuẩn chất lượng thực phẩm sạch (VSATTP);

- Triển khai thành công mô hình hợp tác xã nông nghiệp tiên tiến trên địa bàn tỉnh;

- Đào tạo nâng cấp trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý và chuyên môn với 80% đạt chuẩn quốc gia, 20% đạt chuẩn quốc tế;

- Đào tạo trình độ cơ bản cần thiết cho đội ngũ nông dân trong tỉnh các kiến thức cơ bản về sản xuất nông nghiệp để tạo ra sản phẩm sạch, năng suất cao.

11. Phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn:

- Ứng dụng CNTT hỗ trợ công tác quản lý điều hành phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn: Tiến tới quản lý thông tin tập trung, tăng cường sự phối hợp, liên kết chia sẻ thông tin giữa lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn với các đơn vị khác để có phương án kịp thời;

- Ứng dụng CNTT trong quản lý công tác phòng cháy, chữa cháy tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ, nhà hàng, khách sạn;

- Ứng dụng CNTT để đẩy mạnh tuyên truyền, đào tạo cộng đồng nâng cao ý thức của người dân đối với hoạt động phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn.

12. Xây dựng:

- Kiểm soát và giám sát hiệu quả công tác quản lý xây dựng trên địa bàn toàn tỉnh chia sẻ thông tin với cộng đồng thông qua hệ thống ứng dụng CNTT hướng tới xây dựng môi trường sống thông minh đạt tiêu chuẩn quốc tế;

- Hoàn thiện mô hình quản lý đô thị, chương trình cấp phép xây dựng và cấp phép hoạt động trong ngành xây dựng, quản lý cấp thoát nước ứng dụng CNTT đảm bảo tính minh bạch và chia sẻ thông tin đến người dân qua hệ thống mạng, vô tuyến truyền hình trực tuyến;

- Hoàn thiện và tích hợp các cơ sở dữ liệu trong các lĩnh vực quản lý xây dựng phục vụ công tác quản lý nhà nước, chia sẻ thông tin và phối hợp liên ngành cũng như kết nối và giao lưu quốc tế.

13. Truyền hình:

- Đưa Đài phát thanh - truyền hình tỉnh Bắc Ninh thuộc nhóm đài phát thanh và truyền hình hàng đầu cả nước. Trong đó việc giao lưu hợp tác với các đài trong nước và các đài quốc tế là nền tảng cho sự phát triển. Đưa ứng dụng công nghệ thông tin vào sản xuất và vận hành là điểm đột phá trong thời gian tới;

Nâng cấp tổng thể hệ thống của đài phát thanh và truyền hình lên chuẩn HD và phát sóng theo chuẩn HD, số hoá hệ thống phát thanh truyền hình theo lộ trình số hoá của Chính phủ.

14. Lao động thương binh và xã hội, đào tạo nghề:

- Quản lý cập nhật toàn bộ số liệu dạy nghề trên toàn tỉnh;
- Kết nối với nhà đầu tư và các tổ chức nhu cầu tiếp nhận lao động trên địa bàn tỉnh, trên lãnh thổ Việt Nam và các nước tiên tiến trong khu vực;
- Đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cao của các nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh;
- Xây dựng kho dữ liệu học liệu dùng chung về các nội dung đào tạo cần thiết cung cấp cho toàn tỉnh;
- Xây dựng trung tâm đánh giá nguồn nhân lực đạt chuẩn quốc tế;
- Xây dựng sàn giao dịch việc làm;
- Xây dựng 01 trường nghề đạt chuẩn quốc tế, các trường còn lại đạt chuẩn quốc gia.

15. Công thương:

- Sử dụng hệ thống CNTT để tăng cường kết nối, tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt là các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP;
- Đến năm 2020, đảm bảo 100% thực phẩm được kiểm soát nguồn gốc và được kiểm tra vệ sinh;
- Đến năm 2020, thương mại điện tử đạt 15% doanh số bán lẻ của tỉnh.

16. Ban Quản lý các khu công nghiệp:

Quản lý các doanh nghiệp, các hoạt động có liên quan đến thu hút đầu tư, xây dựng, quản lý trong các khu công nghiệp tập trung trên địa bàn tỉnh thông qua hệ thống CNTT.



Phụ lục 3
LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM XÂY DỰNG MÔ HÌNH
THÀNH PHỐ THÔNG MINH TỈNH BẮC NINH GIAI ĐOẠN 2017-2022
(Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND18 ngày 12/4/2017
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Giai đoạn triển khai
1	Trung tâm dịch vụ hành chính công	Sở TTTT	2017
2	Trung tâm kiểm soát bệnh tật; kiểm nghiệm thuốc và thực phẩm cấp tỉnh	Sở Y tế	2018-2022
3	Các giải pháp đồng bộ nâng cao chất lượng các cơ sở y tế dự phòng và vệ sinh an toàn thực phẩm trong tỉnh	Sở Y tế	2017 – 2022
4	Dự án xử lý nước thải y tế cho các bệnh viện tuyến huyện	Sở Y tế	2018 – 2019
5	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm y tế dự phòng huyện Thuận Thành và Yên Phong	Sở Y tế	2018 – 2022
6	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu Hồ sơ quản lý sức khỏe người dân có kết nối với các cơ sở y tế	Sở Y tế	2017-2018
7	Xây dựng trung tâm điều hành giáo dục và đào tạo theo xu hướng hội nhập khu vực và quốc tế giai đoạn 2017-2022	Sở GDĐT	2017
8	Xây dựng 100 trường học thông minh thuộc ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Bắc Ninh	Sở GDĐT	2018 – 2022
9	Xây dựng hệ thống e-learning cho toàn tỉnh hướng tới mô hình học tập kết nối	Sở GDĐT	2018 – 2022
10	Dự án trung tâm điều hành và kết nối	Sở TNMT	2018 – 2022
11	Giải pháp tổng thể xây dựng cơ sở dữ liệu và quản lý đất đai toàn tỉnh	Sở TNMT	2017 – 2022
12	Xây dựng Trung tâm chỉ huy điều hành Công an tỉnh Bắc Ninh và hệ thống xe thông tin chỉ huy	Công an tỉnh	2017
13	Trang bị hệ thống thu thập, phân tích, cảnh báo sớm cho Công an tỉnh Bắc Ninh	Công an tỉnh	2017 – 2019
14	Nâng cao năng lực cho lực lượng cảnh sát công an tỉnh Bắc Ninh	Công an tỉnh	2018 – 2022
15	Nâng cao năng lực đảm bảo an ninh cho công an tỉnh Bắc Ninh	Công an tỉnh	2018 – 2022
16	Hệ thống cảm biến, camera giám sát, bảo vệ các cơ sở trọng yếu	Công an tỉnh	2017
17	Trung tâm điều hành và quản lý chung	Sở TTTT	2017
18	Dự án trường nghề thông minh (01 trường)	Sở LĐTBXH	2018 – 2022
19	Dự án hệ thống e-learning	Sở LĐTBXH	2018

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Giai đoạn triển khai
20	Dự án Trung tâm kiểm tra đánh giá chất lượng nguồn nhân lực	Sở Nội vụ	2018 – 2019
21	Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức giai đoạn 2016 - 2020	Sở Nội vụ	2018 – 2019
22	Trung tâm điều hành hoạt động thanh tra nhà nước tỉnh	Sở TTTT	2018
23	Dự án quản lý hệ thống giao thông thông minh cho tỉnh Bắc Ninh	Sở GTVT	2018 – 2019
24	Trung tâm điều hành Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở TTTT	2018
25	Thí điểm mô hình hợp tác xã nông nghiệp tiên tiến tạo ra các sản phẩm đạt chuẩn quốc tế, cung cấp cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu (cà rốt)	Sở NNPTNT	2018 – 2022
26	Dự án xây dựng vùng sản xuất hoa lan và trung tâm triển lãm hoa lan quốc tế	Sở NNPTNT	2018 – 2022
27	Thương mại điện tử Sở Công thương	Sở TTTT	2018
28	Trung tâm điều hành Sở Tư pháp	Sở TTTT	2018
29	Vườn ươm khởi nghiệp	Sở KH-CN	2018
30	Nâng cấp hệ thống chiếu sáng thông minh trên địa bàn thành phố Bắc Ninh	Sở Xây dựng	2018 – 2022
31	Trung tâm điều hành Sở Thông tin và Truyền thông (Hệ thống và các dịch vụ nền tảng)	Sở TTTT	2017
32	An ninh mạng	Sở TTTT	2017
33	Xây dựng hệ thống mạng WAN riêng của tỉnh	Sở TTTT	2017
34	Đầu tư xây dựng Trung tâm chỉ huy phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn	Cảnh sát PCCC	2018 – 2020
35	Đầu tư xây dựng Trung tâm huấn luyện theo tiêu chuẩn quốc tế	Cảnh sát PCCC	2018 – 2020
36	Các chương trình đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn cũng như nâng cao nhận thức cho người dân địa phương.	Cảnh sát PCCC	2018 - 2022
37	Đầu tư trang thiết bị và phương tiện	Cảnh sát PCCC	2019
38	Quản lý quy hoạch xây dựng, đô thị	Sở Xây dựng	2017
39	Quản lý cấp nước và xử lý nước thải thông minh	Sở TNMT	2018
40	Quản lý doanh nghiệp tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh	Ban quản lý các KCN	2018
41	Bảo tồn phát huy giá trị Văn hóa - Du lịch Bắc Ninh (4.0)	Sở VH-TT-DL	2018-2022